TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 27/6/2017
V/v Ly hôn giữa chị T và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH – TỈNH CAO BẰNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Phóng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Xuân;

2. Bà Hoàng Ánh Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Bế Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh.

Ngày 27 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TK xét xử công khai vụ án thụ lý số 27/2017/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2017 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXX - ST ngày 09 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Hoàng Thị T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Xóm L - xã Q - huyện Trà Lĩnh - tỉnh Cao Bằng;

(Có mặt)

2. Bị đơn: Triệu Văn T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Xóm N - xã T - huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Hoàng Thị T trình bày: Tôi (T) và anh Triệu Văn T kết hôn vào ngày 01 tháng 8 năm 2014. Việc kết hôn do hai bên gia đình sắp đặt và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện

Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng vào năm 2016.

Cưới xong, tình cảm vợ chồng bình thường, đã có thời gian sống chung và có một con chung, tên con là Hoàng Thị N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2016. Hiện nay, con ở với tôi tại nhà ông bà ngoại thuộc xóm L, xã Q, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.

Nguyên nhân, lý do xin ly hôn: Trong quá trình chung sống, anh T thường xuyên đi chơi, uống rượu, tụ tập bạn bè không chịu lo làm ăn. Tôi đã khuyên nhủ anh rất nhiều lần để đảm bảo hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, anh T vẫn không có một chút thay đổi. Có lần tôi đi lấy ngô vừa về, bước vào cửa anh đã chửi rủa tôi và có ý định đánh tôi. Mâu thuẫn phát sinh nhiều lần, tôi cảm thấy không thể sống chung được nữa. Hơn nữa, lúc tôi đẻ con, tôi bị bệnh, không thể làm được việc nhà. Anh T cho rằng tôi bị ung thư, mặc tôi bị đau nhưng anh không hề quan tâm, chăm sóc đến tôi. Chúng tôi chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng từ ngày 18 tháng 6 năm 2016.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi và anh T được ly hôn; Về con chung tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn) đến khi con trưởng thành (18 tuổi); Về tài sản: tài sản hồi môn ngày cưới gồm có chăn, màn và một số đồ dùng sinh hoạt khác tôi không yêu cầu chia để lại cho anh Tiên sử dụng. Tài sản chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 29 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn Triệu Văn T trình bày : Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm kết hôn, cơ sở kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian sống chung và con chung. Về tài sản hồi môn ngày cưới gồm có chăn, tủ, hiện nay tôi (T) đang quản lý. Tài sản chung, tài sản riêng không có gì.

Nay chị T làm đơn xin ly hôn, tôi (T) không đồng ý. Chị T tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ chứ tôi vẫn muốn đoàn tụ gia đình; Về con chung nếu phải ly hôn, con chung sẽ giao cho chị T nuôi, tôi không cấp dưỡng nuôi con hàng tháng; Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Hoàng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Tiên được ly hôn; Về con chung chị giữ nguyên yêu cầu được nuôi con chung và thay đổi yêu cầu mức cấp dưỡng, không yêu cầu anh T

cấp dưỡng hàng tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn) mà yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật đến khi con trưởng thành (18 tuổi); Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Triệu Văn T không nhất trí ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện TK giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện TK.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn vào ngày 01 tháng 8 năm 2014. Việc kết hôn do hai bên gia đình sắp đặt và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện TK, tỉnh Cao Bằng vào năm 2016.

Trong quá trình chung sống, anh T thường xuyên uống rượu, tụ tập bạn bè không chịu lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc đến vợ con. Chị T đã khuyên nhủ anh T rất nhiều lần để đảm bảo hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, anh T vẫn không có một chút thay đổi. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Xét về mặt tình cảm vợ chồng, tuy chị T và anh T thực tế đã có cuộc sống chung gần 03 năm và đã có với nhau 01 con chung. Nhưng hiện nay, tình cảm chị T dành cho anh T là không còn, và tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn. Tại phiên tòa, anh T cũng không đưa ra được lý do để chị T quay lại đoàn tụ gia đình. Do đó, việc chị T làm đơn yêu cầu xin ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật. Cần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Trong quá trình sống chung, anh chị có 01 con chung Hoàng Thị N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2016. Hiện nay, cả hai mẹ con đều sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị T tại xóm L, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Xét thấy yêu cầu của chị T là có căn cứ, vì cháu N còn nhỏ, cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Theo quy định của pháp luật con dưới 36 tháng tuổi giao cho người mẹ

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy chi tiêu sinh hoạt nuôi con nhỏ hiện nay cũng rất tốn kém. Anh T là người bố cũng phải có một phần trách nhiệm đóng góp nuôi dạy cháu N khôn lớn trưởng thành. Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật là hoàn toàn có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 600.000 đồng.

[6] Về tài sản chung: Chị T và anh T đều thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn Triệu Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1**. Về hôn nhân**: Xử cho Hoàng Thị T và Triệu Văn T được ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Hoàng Thị N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời gian thực hiện cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày 27 tháng 6 năm 2017.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 00987 ngày 22

tháng 3 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TK;
- THADS . TK;
- UBND xã T;
- UBND xã Q;
- Hai bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nông Văn Phóng